TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 287.. /QĐ-PTI	*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về Việc Ban Hành Quy Tắc Bảo Hiểm Bảo Hành Mở Rộng Thiết Bị

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;*
- *Căn cứ Quyết định số 780K/2023/QĐ-PTI ngày 19/10/2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;*
- *Theo đề nghị của Ban Nghiệp vụ Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật và Hàng Hải Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này là "Quy Tắc Bảo Hiểm Bảo Hành Mở Rộng Thiết Bị".

Điều 2: Quy tắc bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Ban Nghiệp vụ Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật và Hàng Hải, các Ban/Khối/Bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, B. TSKT&HH.

TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ
HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

S.G.P: 41A - C.T.C.P ★ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN ★ Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

LƯU PHƯƠNG LAN

Caring beyond Insurance

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
95 Trần Thái Tông, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
T 0243 7724466 F 0243 7724460 W www.pti.com.vn

QUY TẮC BẢO HIỂM BẢO HÀNH MỞ RỘNG THIẾT BỊ

POLICY WORDING OF EXTENDED WARRANTY INSURANCE

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 287./QĐ-PTI ngày 16 tháng 11 năm 2023
của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Issued by Dicision No: 287./QĐ-PTI on 16./11/2023 of Post and Telecommunication Joint Stock Insurance Corporation

Trên cơ sở Bên mua bảo hiểm đã nộp đầy đủ và đúng hạn phí bảo hiểm theo quy định, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi là PTI) nhận bảo hiểm bảo hành mở rộng cho Sản phẩm được bảo hiểm theo các điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

On the basis that the Policyholder has fully and timely paid the prescribed premium, the Post and Telecommunications Insurance Corporation (hereinafter referred to as PTI) issues extended warranty coverage under the terms and conditions set forth in this Policy Wording.

PHẦN I - QUY ĐỊNH CHUNG

PART I - GENERAL CONDITIONS

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Article 1. Insurance Policy

Quy tắc bảo hiểm này, cùng với Hợp đồng bảo hiểm, Giấy Chứng nhận Bảo hiểm và các tài liệu liên quan khác là bộ phận không thể tách rời của bộ Hợp đồng bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn Yêu cầu bảo hiểm, các Sửa đổi bổ sung), thể hiện và cấu thành một bộ Hợp đồng bảo hiểm có tính pháp lý, ràng buộc và có hiệu lực giữa Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm và PTI.

This Policy Wording, together with Policy Schedule, Policy Certificate and other relevant documents forms an integral part of Your Insurance Policy (including but not limited to Proposal Form, Endorsement (s), represents and constitutes a valid, binding and enforceable contract that is entered into between the Policyholder/Insured and PTI.

Điều 2. Người được bảo hiểm

Article 2. The insured

Người được bảo hiểm là tổ chức, cá nhân có Sản phẩm được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm, Giấy Chứng nhận bảo hiểm và có tên trên Hợp đồng bảo hiểm, Giấy Chứng nhận bảo hiểm.

The Insured are organizations/ individuals whose Product is covered under the Policy Schedule/ Policy Certificate and whose name is on the Policy Schedule, Policy Certificate.

Điều 3. Sản phẩm được bảo hiểm

Article 3. Covered Product

Sản phẩm được bảo hiểm (sau đây gọi là **Sản phẩm**) là các sản phẩm điện hoặc điện tử mới và chưa qua sử dụng bao gồm nhưng không giới hạn các thiết bị điện tử, điện lạnh, điện

gia dụng, điện thoại di động, máy tính xách tay, máy tính bảng,… được sử dụng cho mục đích cá nhân và có tham gia bảo hiểm bảo hành mở rộng.

*Covered Products (hereinafter referred to as **products**) are new electrical or electronic products including but not limited to electronic appliances, refrigeration, home appliances, mobile phones, laptops , tablets, etc. are for personal use and covered by extended warranty scheme.*

Điều 4. Thời hạn bảo hiểm

Article 4. Coverage term

Thời hạn bảo hiểm là khoảng thời gian được xác định theo thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và PTI, bắt đầu từ ngày liền sau ngày cuối cùng của thời hạn **bảo hành của nhà sản xuất** cho đến ngày kết thúc được nêu trong Hợp đồng bảo hiểm, Giấy Chứng nhận bảo hiểm.

Coverage term is the agreed period between the Policyholder and PTI, starting from the expiry date of the manufacturer's warranty period until end date stated in the Policy Schedule, Policy Certificate.

Điều 5. Định nghĩa chung

Article 5. General definition

1. **Hành động khủng bố** có nghĩa là một hành động, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc sử dụng vũ lực hoặc bạo lực và/hoặc đe dọa sử dụng bạo lực hay vũ lực, của bất kỳ người hoặc nhóm người nào, cho dù hành động một mình hoặc thay mặt hoặc liên quan đến bất kỳ tổ chức hoặc chính phủ nào, thực hiện vì các mục đích chính trị, tôn giáo, ý thức hệ hoặc các mục đích tương tự bao gồm ý định ảnh hưởng đến bất kỳ chính phủ nào và/hoặc gây sợ hãi cho công chúng, hoặc bất kỳ nhóm công chúng nào.

***Act of Terrorism** means an act, including but not limited to the use of force or violence and/or the threat thereof, of any persons or group(s) of persons, whether acting alone or on behalf of or in connection with any organisation(s) or governments, committed for political, religious, ideological or similar purposes including the intention to influence any government and/or to put the public, or any section of the public, in fear.*

2. **Hệ thống máy tính** có nghĩa là bất kỳ máy tính, phần cứng, phần mềm, ứng dụng, quy trình, mã, chương trình, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin liên lạc hoặc thiết bị điện tử thuộc sở hữu hoặc vận hành bởi Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm hoặc bất kỳ bên nào khác. Điều này bao gồm bất kỳ hệ thống tương tự và bất kỳ đầu vào, đầu ra hoặc thiết bị lưu trữ dữ liệu liên quan hoặc hệ thống, thiết bị mạng hoặc cơ sở sao lưu.

***Computer System** means any computer, hardware, software, application, process, code, programme, information technology, communications system or electronic device owned or operated by the Insured or any other party. This includes any similar system and any associated input, output or data storage device or system, networking equipment or back up facility.*

3. **Mạng máy tính** có nghĩa là một nhóm các **Hệ thống máy tính** và các thiết bị điện tử hoặc hạ tầng mạng khác được kết nối thông qua một hình thức công nghệ truyền thông, bao gồm internet, mạng nội bộ và mạng riêng ảo (VPN), cho phép các thiết bị điện toán nối mạng để trao đổi **Dữ liệu**.

***Computer Network** means a group of **Computer Systems** and other electronic devices or network facilities connected via a form of communications technology, including the internet, intranet and virtual private networks (VPN), allowing the networked computing devices to exchange **Data**.*

4. **Dữ liệu** có nghĩa là thông tin được sử dụng, truy cập, xử lý, truyền hoặc lưu trữ bởi một **Hệ thống máy tính**.

Data *means information used, accessed, processed, transmitted or stored by a* ***Computer System.***

5. **Thiệt hại không gian mạng** có nghĩa là bất kỳ tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm pháp lý, chi phí, tiền phạt hoặc hình phạt hoặc bất kỳ số tiền nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi:

Cyber Loss *means any loss, damage, liability, expense, fines or penalties or any other amount directly or indirectly caused by:*

i. việc sử dụng hoặc vận hành bất kỳ **Hệ thống máy tính** hoặc **Mạng máy tính** nào;

the use or operation of any ***Computer System*** *or* ***Computer Network;***

ii. việc suy giảm hoặc mất khả năng sử dụng hoặc vận hành bất kỳ **Hệ thống máy tính**, **Mạng máy tính** hoặc **Dữ liệu** nào;

the reduction in or loss of ability to use or operate any ***Computer System, Computer Network*** *or* ***Data****;*

iii. việc truy cập, xử lý, truyền tải, lưu trữ hoặc sử dụng bất kỳ **Dữ liệu** nào;

access to, processing, transmission, storage or use of any ***Data***

iv. việc mất khả năng truy cập, xử lý, truyền, lưu trữ hoặc sử dụng bất kỳ **Dữ liệu** nào;

inability to access, process, transmit, store or use any ***Data****;*

v. bất kỳ mối đe dọa hoặc bất kỳ lừa đảo nào liên quan đến các điểm (i) và (iv) ở trên;

any threat of or any hoax relating to points (i) and (iv) above;

vi. bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót hoặc tai nạn nào đối với bất kỳ **Hệ thống máy tính**, **Mạng Máy tính** hoặc **Dữ liệu** nào.

Any error or omission or accident in respect of any ***Computer System, Computer Network*** *or* ***Data***

6. **Hạn mức** có nghĩa là giá mua gốc (bao gồm bất kỳ khoản thuế hàng hóa và dịch vụ hiện hành nào) do Bên mua bảo hiểm chi trả cho (các) **Sản phẩm**.

Limit *means the original purchase price (including any prevailing goods and services tax) paid for the* ***Product(s)****.*

7. **Bên mua bảo hiểm** là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với PTI và đóng phí bảo hiểm.

Policyholder *is an organization/ individual who enters into an insurance policy with PTI and pays premium.*

8. **Giấy Chứng nhận bảo hiểm** là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa PTI với Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm. Giấy Chứng nhận bảo hiểm quy định cụ thể thời hạn bảo hiểm, phí bảo hiểm, quyền lợi và hạn mức quyền lợi theo **Quy tắc bảo hiểm** này.

Policy Certificate *means the document which proves that the Policyholder has insurance cover. It lists, among other things, the insurance period, premium, benefits and benefit limits of this* ***Policy Wording.***

9. **Sửa đổi bổ sung** là văn bản do PTI cấp cho Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm xác nhận các thay đổi về nội dung của Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy Chứng nhận bảo hiểm đã cấp trước đó trên cơ sở chấp thuận các yêu cầu bổ sung của Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm bằng văn bản và là một bộ phận không thể tách rời của bộ Hợp đồng bảo hiểm.

Endorsement *is the document issued by PTI to the Policyholder/ Insured confirming the changes in the contents of the issued Policy Schedule/ Policy Certificate based*

on accepting the changes requested by Policyholder/ Insured in writing and is an integral part of the Policy.

10. **Nhà cung cấp dịch vụ** có nghĩa là doanh nghiệp đã được PTI chỉ định để cung cấp dịch vụ liên quan đến phạm vi bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này, bao gồm nhưng không giới hạn trong việc quản lý quy trình sửa chữa và thay thế **Sản phẩm** theo yêu cầu của PTI.

TPA/ Service Provider *means a company designated by PTI to provide services relating to the coverage under this Policy Wording, including but not limited to the administration of the repair process and replacement of the* ***Product*** *as required by PTI.*

11. **Bảo hành của nhà sản xuất** có nghĩa là bất kỳ bảo hành nào đối với **Sản phẩm** do nhà sản xuất Sản phẩm đó cấp cho **Người được bảo hiểm**.

Manufacturer's Warranty *means any warranty in respect of the Product granted by the manufacturer to the* ***Insured****.*

12. **Tổn thất có yếu tố thời gian** có nghĩa là gián đoạn kinh doanh, gián đoạn kinh doanh liên đới hoặc bất kỳ tổn thất hậu quả nào khác.

Time element losses *means business interruption, contingent business interruption or any other consequential lossess.*

PHẦN II - QUY ĐỊNH CỤ THỂ

PART II - SPECIFIC CONDITIONS

Điều 6. Phạm vi bảo hiểm

Article 6. Insurance coverage

Phạm vi bảo hiểm là sửa chữa lỗi cơ và điện theo quy định tại Sổ bảo hành của nhà sản xuất trong thời hạn bảo hiểm. Trong trường hợp chi phí sửa chữa vượt quá hạn mức bảo hiểm quy định tại điểm 6 điều 5, **Sản phẩm** sẽ được thay thế bằng một sản phẩm khác tương tự, cùng chất lượng và thông số kỹ thuật.

The insurance coverage is mechanical and electrical repair as specified in the manufacturer's Warranty Book during insurance period. In the event that the repair cost exceeds the insurance limit, the ***Product*** *will be replaced with another similar product, of the same quality and specifications.*

Việc sửa chữa và thay thế sẽ được thực hiện tại Việt Nam và cho các **Sản phẩm** được mua và sử dụng tại Việt Nam.

All coverage applies only to repairs and replacements of ***Products*** *performed in Vietnam and for the Products purchased and used in Vietnam.*

PTI có quyền và tùy chọn để sửa chữa hoặc thay thế **Sản phẩm** bằng một sản phẩm khác tương tự, cùng chất lượng và thông số kỹ thuật. Do những tiến bộ công nghệ, **Sản phẩm thay thế** có thể có giá trị bán lẻ thấp hơn so với **Sản phẩm bị lỗi**. Các bộ phận thay thế có thể là các bộ phận mới, nguyên bản hoặc không chính hãng nhà sản xuất mà phù hợp với thông số kỹ thuật của nhà máy và sẽ được xác định theo quyết định riêng của PTI.

PTI reserves the right and option to repair or replace the ***Product*** *with another similar product of the same quality and specifications. Due to technological advances, the* ***Replacement Product*** *may have a lower retail value than the* ***Defective Product****. Replacement parts may be new, original or non-manufacturer parts that conform to factory specifications and will be determined at PTI's sole discretion.*

Điều 7. Phạm vi dịch vụ

Article 7. Scope of services

PTI sẽ thu xếp các dịch vụ thuộc phạm vi bảo hiểm do PTI cung cấp theo Quy tắc Bảo hiểm này bao gồm:

PTI will arrange for the following services relevant to the coverage that PTI provides under this Policy Wording:

i. Dịch vụ khách hàng nhằm hỗ trợ Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm khi có yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi được bảo hiểm theo Quy tắc Bảo hiểm này; và

Customer service to assist the PTI on claims made and covered under this Policy Wording; and

ii. Chỉ định nhà cung cấp dịch vụ thay thế hoặc sửa chữa theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng Bảo hiểm.

Provide replacement or repair services as per the terms and conditions of the Insurance Policy

Điều 8. Hạn mức trách nhiệm

Article 8. Limit of liability

PTI sẽ không bảo hiểm bất kỳ tổn thất hoặc thương tích trực tiếp hoặc gián tiếp về người hoặc mất mát hoặc thiệt hại cho tài sản hoặc bất kỳ thiệt hại ngẫu nhiên, liên đới, thiệt hại đặc biệt hoặc thiệt hại hậu quả nào bao gồm, nhưng không giới hạn ở tổn thất phát sinh do bất kỳ sự chậm trễ nào trong việc cung cấp bất kỳ dịch vụ nào liên quan đến Quy tắc bảo hiểm này và/ hoặc việc mất sử dụng trong khoảng thời gian mà (các) **Sản phẩm** đang ở tại một nhà cung cấp dịch vụ và/ hoặc trong khi chờ đợi các bộ phận thay thế, ngay cả khi Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm có thể đã thông báo cho PTI về khả năng mất mát hoặc hư hỏng như vậy.

*PTI will not cover any direct or indirect loss or injury to a person or loss or damage to property or any incidental, contingent, special or consequential damages including, but not limited to, losses incurred due to any delay in rendering any services related to this Policy Wording and/or loss of use during the period that the **Product**(s) is at an authorized repairer and/ or while awaiting replacement parts, even if Policyholder/ Insured might have informed us of the possibility of such loss or damage.*

PTI sẽ thay thế (các) **Sản phẩm** bằng một sản phẩm cùng loại, cùng chất lượng và/ hoặc đặc điểm kỹ thuật nếu (các) **Sản phẩm** không thể sửa chữa được hoặc chi phí sửa chữa là không kinh tế (chi phí sửa chữa lớn hơn chi phí thay thế).

*PTI will replace the **Product**(s) with one of like kind, quality and/ or specification the Product(s) is not repairable or beyond economical repair.*

(Các) Sản phẩm được thay thế (sản phẩm hư hỏng) sẽ trở thành tài sản của PTI. PTI có quyền trả cho Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm giá mua ban đầu của (các) **Sản phẩm** nếu PTI không thể cung cấp một sản phẩm thay thế phù hợp với chất lượng và thông số kỹ thuật của (các) **Sản phẩm** bị lỗi.

PTI sẽ không chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm, Giấy Chứng nhận bảo hiểm nếu Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm:

*The replaced Product(s) (the spoilt unit) shall become PTI's property. PTI reserves the right to pay the Policyholder/ Insured the original purchase price of the **Product**(s) if PTI is*

unable to give a replacement for product that matches the quality and specifications of the faulty Product(s).

PTI will not be liable under the Policy Schedule/ Policy Certificate if the Policyholder:

i. không báo cáo thiệt hại hoặc sự cố qua số hotline của PTI hoặc bên thứ ba cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (TPA) trước khi hết thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm; trừ khi Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm bị ngăn cản làm như vậy vì những lý do ngoài tầm kiểm soát của mình và PTI sẽ xem xét yêu cầu đó theo từng trường hợp cụ thể;

does not report damage or incident to PTI before the expiry of the Policy/ Certificate of Insurance; unless the Policyholder/ Insured is prevented from doing so for reasons beyond its control and PTI will consider such request on a case-by-case basis;

ii. không gửi (các) Sản phẩm cho nhà cung cấp dịch vụ của PTI để đánh giá hoặc sửa chữa trước khi hết hạn Hợp đồng bảo hiểm. Nếu yêu cầu bồi thường được PTI chấp nhận như được mô tả tại điểm (ii) ở trên, Bên mua Bảo hiểm/ Người được bảo hiểm sẽ được cho thêm 5 ngày làm việc để sắp xếp việc sửa chữa hoặc đánh giá.

does not submit the Product(s) to an authorized repairer arranged by PTI for assessment or repair before the expiry of the Insurance Policy. If the claim is accepted by PTI as described in point ii above, Policyholder/ Insured will be given an additional 5 working days to arrange for the repair or assessment.

Trách nhiệm của PTI đối với bất kỳ (các) **Sản phẩm** nào sẽ không vượt quá **Hạn mức** cho mỗi Hợp đồng bảo hiểm.

PTI's liability for any one Product(s) shall not exceed the Limit for each Insurance Policy.

Điều 9. Điều kiện tham gia bảo hiểm

Article 9. Eligibility

(Các) Sản phẩm tham gia bảo hiểm phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: (i) Sản phẩm được mua mới, và (ii) Sản phẩm hoàn toàn mới và chưa qua sử dụng, và (iii) Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy Chứng nhận bảo hiểm phải được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày mua hoặc ngày giao hàng của Sản phẩm (tùy theo thời điểm nào muộn hơn).

The Product(s) must be purchased new and the Policy Schedule/ Policy Certificate must be made within 30 days from the date of purchase or delivery of the Product (whichever is later).

Điều 10. Điều khoản loại trừ

Article 10. Exclusions

Ngoài các loại trừ bảo hành của Nhà sản xuất, PTI không trả tiền bảo hiểm cho những trường hợp sau đây:

Besides the exclusions of Manufacturer's Warranty, PTI will also not pay for the following:

1. Các lỗi không ảnh hưởng đến chức năng, lỗi thẩm mỹ, sơn, màu sắc hoặc về mặt hoàn thiện của **Sản phẩm**, phụ kiện được sử dụng trong hoặc với (các) **Sản phẩm** như bảo vệ màn hình, cáp và dây bên ngoài hoặc các tùy chọn bổ sung được kết hợp với (các) **Sản phẩm.**

*Non-operating and cosmetic defects, paint, color, or **Product(s)** finish, accessories used in or with the **Product(s)**, screen protectors, external cables and cords, or add-on options incorporated to the **Product(s)***

2. Phần mềm (bao gồm hệ điều hành và bất kỳ dữ liệu được lưu trữ nào), lỗi do cài đặt và/hoặc loại bỏ phần mềm, vi-rút máy tính, phòng chống vi-rút và các thiết bị ngoại vi khác.

Software (including operating system and any stored data), defects resulting directly from software installation and/ or removal, computer virus, virus prevention, and other peripherals.

3. Phần cứng đã được thêm vào sau khi mua (các) **Sản phẩm** ban đầu.

Hardware that has been added after the purchase of the original ***Product(s).***

4. Vật tư tiêu hao như dây máy hút bụi, mực in, hộp mực in hoặc mực, bóng đèn, đĩa compact, băng kỹ thuật số, v.v…

Consumables such as vacuum cleaner belts, toner, print or ink cartridges, bulbs, compact discs, digital tapes, etc.

5. Tất cả pin (bao gồm pin không sạc thông thường và pin sạc) trừ khi có quy định cụ thể khác trong Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy Chứng nhận bảo hiểm.

All batteries (including regular non-chargeable batteries and rechargeable batteries) unless otherwise specifically covered in the Policy Schedule/ Policy Certificate.

6. Các lỗi bên ngoài như hệ thống dây điện, kết nối điện hoặc hệ thống ống, đường ống, vòi, gá lắp, sắp xếp lại bộ thu tín hiệu (tiếp nhận kém) và tổn thất do hậu quả này của bất kỳ loại lỗi nào.

External faults such as wiring, electrical connection or plumbing, piping, trunking, fitting, realigning of signal receivers (poor reception), and consequential loss of any kind.

7. Lỗi do bộ chuyển đổi điện áp và/ hoặc sử dụng không đúng điện áp cho **Sản phẩm.**

Failure caused by a voltage converter and/or applying incorrect voltage to the ***Product.***

8. (Các) **Sản phẩm** vẫn được bảo hiểm theo bảo hành bằng văn bản gốc, bảo hành của nhà sửa chữa hoặc bất kỳ bảo hành nào khác vẫn còn hiệu lực.

Product(s) *that are still covered by the manufacturer's original written warranty, repairer's warranty, or any other warranty still in effect.*

9. Bất kỳ khiếm khuyết nào là đối tượng thu hồi của nhà sản xuất.

Any defects that are the subject of the manufacturer's recall

10. Không tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất về lắp đặt, vận hành hoặc bảo trì (các) Sản phẩm và sửa chữa bất kỳ hạng mục nào không ảnh hưởng đến chức năng của (các) **Sản phẩm**.

Failure to follow manufacturers' instructions on installation, operation or maintenance of the ***Product(s)*** *and repairs to any items not affecting the function of the* ***Product(s)***

11. Sự không tuân thủ các khuyến nghị của nhà sản xuất về bảo trì định kỳ, kiểm tra, làm sạch, bôi trơn, điều chỉnh bên ngoài và bất kỳ hướng dẫn nào khác liên quan đến việc sử dụng và/ hoặc bảo trì (các) **Sản phẩm**.

The failure to comply with the manufacturer's recommendations on routine maintenance, inspection, cleaning, lubrication, external adjustments and any other instructions relating to the use and/or upkeep of the ***Product(s).***

12. Sử dụng cho mục đích thương mại (các tổ chức nhiều người sử dụng), cho thuê công cộng, sử dụng vì lợi nhuận hoặc sử dụng chung cho nhiều gia đình.

Commercial use (multi-user organisations), public rental, use for profit or communal use for multi-family housing

13. Phí vận chuyển, phí hư hỏng, phí dịch vụ chuyển phát nhanh, thiệt hại do vận chuyển, gỡ bỏ, lắp đặt hoặc cài đặt lại (các) **Sản phẩm**, (các) **Sản phẩm** cho mượn trong quá trình sửa chữa.

*Shipping charges, damage charges, express service charges, transportation damage, removal, installation or reinstallation of the **Product(s)**, **Product(s)** on loan during the repair process*

14. Bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào do bị trộm, trộm cắp, ăn mòn, phá hoại bởi động vật và côn trùng, thiệt hại do vật nuôi (trừ khi được quy định cụ thể tại Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy Chứng nhận bảo hiểm), sử dụng không đúng cách, không chăm sóc, và lạm dụng.

Any loss or damage due to burglary, theft, corrosion, animal and insect infestation, pet damage (unless specifically covered by the Policy Schedule/ Policy Certificate) misuse, neglect and abuse.

15. Phí đánh giá tổn thất khi không tìm thấy hoặc không ghi nhận được khiếm khuyết.

Diagnostic fees where no defect has been found or noted.

16. Các lỗi và phí dịch vụ tại chỗ không được bảo hiểm bằng bảo hành gốc của nhà sản xuất, trừ khi được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm.

*Defects and on-site service charges not covered by the manufacturer's original written warranty, unless specifically covered in the **Insurance Policy***

17. Bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào đối với (các) **Sản phẩm** do hỏa hoạn hoặc lũ lụt, gây ra theo bất kỳ cách nào.

*Any loss or damage to the **Product(s)** resulting from fire or flood, howsoever caused*

18. Bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào đối với (các) **Sản phẩm** do **Hành động Khủng bố** và Bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như động đất, chiến tranh, xâm lược, hành động của kẻ thù nước ngoài, thù địch hoặc các hoạt động hiếu chiến, nội chiến, nổi dậy dân sự.

*Any loss or damage to the **Product(s)** resulting from an **Act of Terrorism** and an act of God including without limitation, events such as earthquake, war, invasion, act of foreign enemy, hostilities or warlike operations, civil war, civil commotion*

19. Cho dù có bất kỳ điều khoản nào của thỏa thuận này bao gồm bất kỳ loại trừ, mở rộng hoặc điều khoản nào khác được đề cập ở đây thì tất cả các tổn thất, thiệt hại, Tổn thất do thời gian bị kéo dài, và các chi phí liên quan đến hoặc phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ bệnh truyền nhiễm và/ hoặc bệnh lây nhiễm sẽ bị loại trừ.

Notwithstanding any provision of this agreement including any exclusion, extension or other provision included herein, all losses, damage, resultant Time Element Losses, and costs in connection with or arising directly or indirectly from infectious and/or communicable disease is excluded

20. Cho dù có bất kỳ điều khoản nào trái ngược trong Quy tắc Sản phẩm này, Quy tắc Bảo hiểm này không bảo hiểm cho bất kỳ Thiệt hại không gian mạng nào.

*Notwithstanding any provision to the contrary within this **Policy Wording**, this **Policy Wording** excludes any **Cyber Loss**.*

Điều 11: Chấm dứt bảo hiểm

Article 11: Termination of coverage

Hiệu lực bảo hiểm sẽ chấm dứt nếu có bất kỳ sự kiện nào sau đây xảy ra:

The policy coverage will terminate if any of the following events occur:

1. khi hết thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy Chứng nhận bảo hiểm;

   Upon expiry of the term of the Policy Schedule/ Policy Certificate;

2. khi Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm đã yêu cầu bồi thường sửa chữa các lỗi về cơ và điện đến **Hạn mức**;

   when the Policyholder/ Insured Person has made a claim for repair for mechanical and electrical defects up to the Limit;

3. đã có những sửa đổi trái phép đối với (các) **Sản phẩm**, số sê-ri của (các) **Sản phẩm** đã bị thay đổi mà không có sự cho phép, và những sửa chữa (các) **Sản phẩm** được thực hiện bởi một nhà sửa chữa không được ủy quyền;

   *There has been unauthorised modification(s) to the **Product**(s), the serial number of the **Product**(s) has been altered without authorization and repairs to the **Product**(s) performed by a non-authorised repairer.*

4. khi (các) **Sản phẩm** đã được thay thế hoặc nếu (các) **Sản phẩm** vượt quá giá trị thay thế, PTI đã trả cho Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm giá mua ban đầu của **Sản phẩm**.

   *when the **Product(s)** has been replaced or if **Product(s)** is beyond replacement, PTI has paid the Policyholder/ Insured Person the original purchase price of the **Product**.*

5. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, Công ty bảo hiểm sẽ nhanh chóng hoàn trả số phí bảo hiểm mà người được bảo hiểm đã đóng theo các trường hợp quy định cụ thể sau:

   In the event of policy cancellation, The insurer will return promptly the portion of any premium actually paid by the Insured Person as following:

- Phí bảo hiểm được hoàn lại toàn bộ (100%) cho Người được bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo chính sách đổi trả thiết bị trong vòng 30 ngày do lỗi của nhà sản xuất

  Premium will be refunded in full for the Insured Person in case policy is cancelled due to manufacturer defect 30 day return policy

- Phí bảo hiểm được hoàn lại theo tỷ lệ quy định dưới đây đối với trường hợp Người được bảo hiểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm sau 30 ngày theo chương trình thu hồi thiết bị của nhà sản xuất:

  Premium will be refund on below pro-rate for the Insured Person in case policy is cancelled after 30 days, due to manufacturer recall program:

  + Đối với Hợp đồng bảo hiểm 12 tháng/ *For annual (12 month) policy*:

Thời hạn Hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực tính đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng *Period of effectiveness of the Policy until the date of the Policy termination*	Tỷ lệ phí bảo hiểm được hoàn trả *Refundable Proportion*
Đến 02 tháng/ Up to 2 months	60%
Từ 02 đến 03 tháng *From 02 to 03 months*	50%
Từ 03 đến 04 tháng *From 03 to 04 months*	40%
Từ 04 đến 05 tháng	30%

From 04 to 05 months	
Từ 05 đến 06 tháng *From 05 to 06 months*	25%
Trên 06 tháng/ *above 06 months*	0%

+ Đối với hợp đồng bảo hiểm 06 tháng/ *For the 06-month Policy:*

Thời hạn Hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực tính đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng *Period of effectiveness of the Policy until the date of the Policy termination*	Tỷ lệ phí bảo hiểm được hoàn trả *Refundable Proportion*
Đến 02 tháng/ *Up to 2 months*	50%
Từ 02 đến 03 tháng *From 02 to 03 months*	30%
Từ 03 đến 04 tháng *From 03 to 04 months*	20%
Trên 04 tháng/ *above 4 months*	0%

- Phí bảo hiểm sẽ không được hoàn lại trong trường hợp Người được bảo hiểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm sau 30 ngày vì bất cứ lý do nào.

  No refund for cancellations due to other reasons in case policy is cancelled after 30 days.

- Phí bảo hiểm sẽ không được hoàn lại nếu đã có bất kỳ Yêu cầu bồi thường nào được thực hiện theo hợp đồng bảo hiểm này.

  If a Claim has incurred, the Policy will be non-refundable

PHẦN III - GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG

PART III – CLAIM PROVISIONS

Điều 12. Quy định về giải quyết bồi thường

Article 12. Claim provision

Nhà cung cấp dịch vụ của PTI sẽ thực hiện đánh giá các Sản phẩm bị lỗi hoặc bị hư hỏng và sẽ sắp xếp để sửa chữa và/ hoặc thay thế. Quyết định của PTI sẽ là quyết định cuối cùng đối với bất kỳ đánh giá nào và các bên sẽ không có quyền phản đối đánh giá đó.

PTI's TPA/ service providers will perform an assessment of the defective or damaged Products and will arrange for repair and/or replacement. PTI's decision will be final on any evaluation and the parties will have no right to object to such evaluation.

Sau khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dẫn đến yêu cầu bồi thường theo quy tắc hiểm này, Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm phải liên hệ với đường dây nóng hỗ trợ khách hàng đồng thời chuẩn bị sẵn sàng thông tin về số Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy Chứng nhận bảo hiểm, số IMEI và/ hoặc số Sê-ri của Sản phẩm được bảo hiểm và các chi tiết theo Hợp đồng Bảo hiểm/ Giấy Chứng nhận bảo hiểm.

After the occurrence of any incident giving rise to a claim under this Policy, the Purchaser must contact hotline Assist, at the same time have the Policy reference number, IMEI number and/ or Serial Number for the covered Product and the Policy details ready.

Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm phải:

The Policyholder/ Insured is required to:

1. Thông báo cho PTI bằng cách liên hệ với **Nhà cung cấp dịch vụ** của **PTI** trong vòng bảy mươi hai (72) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố dẫn đến yêu cầu bồi thường.

Notify PTI by contacting Service provider within seventy two (72) hours of the incident giving rise to a claim.

2. Điền vào mẫu yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của PTI (nếu có) và gửi lại cho Nhà cung cấp dịch vụ của PTI trong vòng mười (10) ngày.

Fill in a Claim form upon PTI's request (if any) and send it back to Service provider within ten (10) days.

3. Thông báo cho Nhà cung cấp dịch vụ nguyên nhân chính xác của sự cố dẫn tới yêu cầu bồi thường. Khi đánh giá bất kỳ yêu cầu bồi thường nào, PTI sẽ chỉ xem xét nguyên nhân đầu tiên và dẫn đến yêu cầu bồi thường và do đó sẽ không xem xét bất kỳ biến thể tiếp theo nào sau đó.

Disclose to Service provider the correct incident reason for the claim. When assessing any claim, PTI will only consider the first reason and cause giving rise to the claim and therefore will not consider any subsequent variations to this.

4. Giữ lại toàn bộ các chứng từ gốc và gửi toàn bộ các chứng từ yêu cầu bồi thường cho PTI ngay sau khi trở về Việt Nam đối với bất kỳ sự cố dẫn đến yêu cầu bồi thường nào trong thời gian sử dụng ở nước ngoài.

Retain all original documents and submit all claim documentation to the Insurer upon return to Vietnam for any incident giving rise a claim due to overseas usage.

5. Việc thông báo đúng thời hạn cho Nhà cung cấp dịch vụ của PTI là điều kiện tiên quyết để giải quyết các yêu cầu bồi thường. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm không tuân thủ yêu cầu này và dẫn đến thiệt hại, PTI có quyền từ chối giải quyết bồi thường cho phần thiệt hại đó.

Timely notification to PTI Service Providers is a prerequisite for settlement of claims. In case the Policyholder/Insured does not comply with this requirement and further damages occurs, PTI has the right to refuse to pay compensation for that damage.

PHẦN IV - CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC

PART IV - OTHER CONDITIONS

Điều 13. Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân

Article 13. Personal data protection legislation

Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm được coi là đã đồng ý và ủy quyền cho PTI thu thập, sử dụng, tiết lộ và/ hoặc xử lý dữ liệu hoặc thông tin cá nhân của Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm được cung cấp cho PTI mà không cần thông báo thêm cho Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm, các công ty liên kết, nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba, đối tác kinh doanh và/ hoặc các bên khác, có thể ở bên ngoài Việt Nam, nhằm quản lý các Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy Chứng nhận bảo hiểm đã được thực hiện với PTI, xử lý các khiếu nại, tái bảo hiểm và dịch vụ khách hàng.

The PTI is deemed to have consented and authorized PTI to collect, use, disclose and/or process personal data or information of the PTI. provided to PTI without further notice to the Policyholder/Insured, its affiliates, third party service providers, business partners and/or other parties, which may outside Vietnam, in order to manage Policy Schedule/ Policy

Certificate which implemented with PTI, handle complaints, for reinsurance purpose and provide customer service.

Điều 14. Thế quyền

Article 14. Subrogation

Trong trường hợp xảy ra sự kiện được bảo hiểm mà nguyên nhân do bên thứ ba chịu trách nhiệm, Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp cho PTI mọi tin tức, tài liệu, bằng chứng và phải thực hiện ủy quyền, chuyển quyền thu đòi bên thứ ba cho PTI. Trường hợp Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ này hoặc có lỗi làm cho PTI không thực hiện được việc truy đòi thì PTI được miễn trả toàn bộ hoặc một phần số tiền bồi thường.

In the event of occurrence of an insured event which is caused by the responsibility of a third party, the Policyholder/ Insured is obliged to provide PTI with all information, documents, evidence and must authorize, transfer the right to collect third party to PTI. In case, the Policyholder/ Insured fails to perform this obligation or is at fault for PTI's inability to carry out the recourse, PTI is exempt from paying all or part of the indemnity.

PHẦN V - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

PART 5 - DISPUTE RESOLUTION

Điều 15. Luật áp dụng

Article 15. Applicable law

Quy tắc Bảo hiểm này được điều chỉnh bởi pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

This Policy Wording is governed by the laws of the Socialist Republic of Vietnam.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp

Article 16. Dispute resolution

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến bộ Hợp đồng bảo hiểm mà không thể giải quyết bằng thỏa thuận giữa các bên, thì một trong các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Any dispute arising out of or related to the Insurance Policy which cannot be resolved by agreement between the parties, one of the parties shall have the right from the lawsuit to request a competent Court to settle in accordance with the provisions of law.

Trong trường hợp bất kỳ tranh chấp nào được chuyển đến Tòa án theo điều khoản này, phán quyết của Tòa án sẽ là phán quyết cuối cùng, bắt buộc và ràng buộc đối với các bên.

In the event that any dispute is referred to the Court under this provision, the judgment of the Court shall be final, binding and binding on the parties.